

Số: 03/2018/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 09 tháng 03 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: anh Trần Hữu T, sinh năm 1987. Sinh trú quán: Đội 6, thôn Đ, xã TN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị A, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tiểu khu 5, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, thôn Đ, xã TN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ nơi làm việc: Công ty M- Số 80, đường G, thôn Đ, thành phố C, vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 15/7/2013. Trú tại: Đội 6, thôn Đ, xã TN, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Hữu T và chị Trịnh Thị A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: anh Trần Hữu T và chị Trịnh Thị A thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung*: anh Trần Hữu T và chị Trịnh Thị A có 01 con chung là cháu Trần Hữu Đ, sinh ngày 15/7/2013 hiện đang ở cùng với anh T. anh T và chị A thỏa thuận, anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Hữu Đ đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản*: anh T và chị A xác định vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: anh Trần Hữu T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000104 ngày 27/2/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Trả lại anh T 150.000đ tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã TN, Tp. H;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Lê Quốc Huy